

Số: 21/2010/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2010

THÔNG TƯ

Về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ Quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ Quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn cụ thể các loại xe ô tô chở hàng và ô tô chở người thuộc phạm vi điều chỉnh về niên hạn sử dụng, cách thức xác định niên hạn sử dụng của các loại ô tô quy định tại Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ (sau đây gọi chung là Nghị định số 95/2009/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có sử dụng xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người (sau đây gọi chung là ô tô) khi tham gia giao thông đường bộ, trừ xe ô tô của quân đội, công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Ô tô chở hàng (ô tô tải)*: là ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chuyên chở hàng như: ô tô tải thông dụng có thùng hàng dạng hở (có thể có mui phủ) hoặc dạng hộp, ô tô tải tự đổ, ô tô tải có cần cẩu, ô tô tải có thiết bị nâng hạ hàng, ô tô tải bảo ôn, ô tô tải đông lạnh, ô tô pick-up chở hàng (ca bin đơn, kép), ô tô tải VAN.

2. *Ô tô chở hàng chuyên dùng (ô tô tải chuyên dùng)*: là ô tô tải có kết cấu và trang bị đặc biệt để chuyên chở một loại hàng hoá nhất định như: ô tô chở ô tô con, ô tô chở xe máy thi công, ô tô xi tec, ô tô chở rác, ô tô đầu kéo, ô tô chở bê tông ướt, ô tô chở bình ga.

3. *Ô tô chở người (ô tô khách)*: là ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu để chở người và hành lý mang theo có từ 10 chỗ ngồi trở lên (kể cả chỗ người lái), ô tô chở người chuyên dùng (ô tô cứu thương, ô tô tang lễ, ô tô chở người tàn tật, ô tô chở trẻ em, ô tô cứu hộ mả).

4. *Ô tô chuyên dùng*: là ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện một chức năng, công dụng nhất định như: ô tô chữa cháy, ô tô quét đường, ô tô hút chất thải, ô tô trộn vữa, ô tô trộn bê tông, ô tô bơm bê tông, ô tô cần cẩu, ô tô thang, ô tô khoan, ô tô cứu hộ (ô tô kéo xe hỏng), ô tô chở tiền, ô tô truyền hình lưu động, ô tô đo sóng truyền hình lưu động, ô tô rải nhựa đường, ô tô kiểm tra và bảo dưỡng cầu, ô tô kiểm tra cáp điện ngầm, ô tô chụp X-quang, ô tô phẫu thuật lưu động.

5. Trong trường hợp cần thiết, việc phân loại ô tô sẽ được xác định cụ thể căn cứ theo Tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ NIÊN HẠN SỬ DỤNG Ô TÔ

Điều 4. Ô tô phải áp dụng quy định về niên hạn sử dụng

1. Các loại ô tô chở hàng và ô tô chở người quy định tại Điều 1 của Nghị định 95/2009/NĐ-CP bao gồm: ô tô chở hàng (ô tô tải); ô tô chở hàng chuyên dùng (ô tô tải chuyên dùng); ô tô chở người có từ 10 chỗ ngồi trở lên (kể cả chỗ người lái); ô tô chở người chuyên dùng.

2. Các loại ô tô khác không nêu tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 2 của Nghị định 95/2009/NĐ-CP.

Điều 5. Ô tô không phải áp dụng về niên hạn sử dụng

Xe ô tô nêu tại các điểm b và c khoản 1 Điều 2 của Nghị định 95/2009/NĐ-CP không phải áp dụng niên hạn sử dụng bao gồm: ô tô chở người đến 09 chỗ ngồi (kể cả chỗ người lái); ô tô chuyên dùng; rơ moóc, sơ mi rơ moóc.

Điều 6. Ô tô cải tạo, ô tô chuyển đổi công năng sử dụng

Niên hạn sử dụng đối với ô tô cải tạo, ô tô chuyển đổi công năng sử dụng được tính từ năm sản xuất ô tô trước khi chuyển đổi, cụ thể như sau:

1. Ô tô chở người quá niên hạn sử dụng được chuyển đổi thành ô tô chở hàng và phải áp dụng niên hạn sử dụng của ô tô chở hàng là không quá 25 năm (theo khoản 1 Điều 4 của Nghị định 95/2009/NĐ-CP).

2. Ô tô chở người từ 10 chỗ ngồi trở lên (kể cả chỗ người lái), ô tô chở người chuyên dùng chuyển đổi thành ô tô chở người dưới 09 chỗ ngồi (kể cả chỗ người lái) và phải áp dụng niên hạn sử dụng của ô tô chở người là không quá 20 năm (theo khoản 2 Điều 4 của Nghị định 95/2009/NĐ-CP).

3. Ô tô chở hàng chuyển đổi thành ô tô chuyên dùng và phải áp dụng niên hạn sử dụng của ô tô chở hàng là không quá 25 năm (theo khoản 1 Điều 4 của Nghị định 95/2009/NĐ-CP).

4. Ô tô chuyên dùng, ô tô chở người đến 09 chỗ ngồi (kể cả chỗ người lái) chuyển đổi thành ô tô chở hàng phải áp dụng niên hạn sử dụng của ô tô chở hàng là không quá 25 năm (theo khoản 1 Điều 4 của Nghị định 95/2009/NĐ-CP).

5. Ô tô chở hàng đã chuyển đổi thành ô tô chở người trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 và phải áp dụng niên hạn sử dụng của ô tô chở người chuyển đổi công năng là không quá 17 năm (theo điểm c khoản 1 Điều 4 của Nghị định 95/2009/NĐ-CP).

Điều 7. Xác định niên hạn sử dụng của ô tô

1. Niên hạn sử dụng của ô tô quy định tại Điều 4 Nghị định 95/2009/NĐ-CP được tính theo năm, kể từ năm sản xuất của ô tô và xác định căn cứ theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- a) Số nhận dạng của xe (số VIN);
- b) Số khung của xe;
- c) Các tài liệu kỹ thuật: Catalog, sổ tay thông số kỹ thuật, phần mềm nhận dạng hoặc các thông tin của Nhà sản xuất;
- d) Thông tin trên nhãn mác của Nhà sản xuất được gắn hoặc đóng trên ô tô;
- đ) Hồ sơ lưu trữ như: Giấy chứng nhận chất lượng; Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với ô tô sản xuất trong nước; Biên bản kiểm tra hoặc nghiệm thu, Giấy chứng nhận chất lượng phương tiện cơ giới đường bộ cải tạo đối với ô tô cải tạo; Hồ sơ gốc do cơ quan công an quản lý; Chứng từ nhập khẩu.

2. Ô tô không có ít nhất một trong những tài liệu, hồ sơ, cơ sở nêu tại khoản 1 của Điều này được coi là hết niên hạn sử dụng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến Nghị định 95/2009/NĐ-CP.
2. Hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra các đơn vị Đăng kiểm xe cơ giới trong toàn quốc thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Xác định năm sản xuất, lập danh sách ô tô hết niên hạn sử dụng theo định kỳ hàng năm;
 - b) Báo cáo theo yêu cầu danh sách ô tô đã và sắp hết hạn sử dụng về Cục Đăng kiểm Việt Nam;
 - c) Thông báo danh sách ô tô hết niên hạn sử dụng cho Phòng Cảnh sát giao thông và Thanh tra giao thông các địa phương để theo dõi, kiểm tra, quản lý đồng thời thông báo công khai tại đơn vị để có cơ sở cho nhân dân và chính quyền địa phương giám sát.
3. Định kỳ hàng năm, tập hợp danh sách ô tô đã và sắp hết hạn sử dụng theo lộ trình, thông báo cho Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt để phối hợp theo dõi, kiểm tra, quản lý.
4. Giải quyết, xử lý các trường hợp có thắc mắc, khiếu nại, tố cáo theo quy định hiện hành.
5. Định kỳ hàng năm, tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải việc thực hiện Nghị định 95/2009/NĐ-CP và đề xuất các giải pháp cần thiết.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Tuyên truyền, phổ biến Nghị định 95/2009/NĐ-CP và Thông tư này đến mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân đang khai thác sử dụng ô tô tại địa phương để thực hiện.
2. Phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam chỉ đạo các đơn vị Đăng kiểm xe cơ giới thuộc thẩm quyền quản lý tại địa phương tổ chức thực hiện Nghị định 95/2009/NĐ-CP và Thông tư này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ Thông tư số 06/2004/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Nghị định 23/2004/NĐ-CP của Chính phủ về quy định niên hạn sử dụng của ô tô tải và ô tô chở người.

2. Những ô tô đã phân loại trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì giữ nguyên phân loại đối với phương tiện đó.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 11;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ, Website Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KHCN.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Hồ Nghĩa Dũng